

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 866/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ron và bà Đoàn Thị Thùy Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thế Nữ Diệu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 387/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 180/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Việt T**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: **Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định.**

Tạm trú: **78 C, phường N, TP .Q, tỉnh Bình Định.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân Đ**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: **Tổ A, khu V, phường B, TP .Q, tỉnh Bình Định.**

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2023, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Việt T** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Xuân Đ** đăng ký kết hôn vào ngày 21.01.2020 tại **Ủy ban nhân dân phường B, TP .Q, tỉnh Bình Định** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà anh **Đ** ở **tổ A, khu V, phường B, TP .Q**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo chị nguyên nhân là do anh **Đ** không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn mà lâm vào cờ bạc dẫn đến nợ nần. Hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện đề hòa giải, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng không anh **Đ** không nghe. Mâu thuẫn gay gắt

nhất là vào ngày 17/02/2023 khi hai vợ chồng cãi nhau, anh Đ đã đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà và có những lời nói xúc phạm đến cha mẹ chị nên chị đã cùng con dọn ra ở riêng, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chị cùng con ra ngoài thuê nhà trọ ở, anh Đ không quan tâm hay lo lắng gì cho mẹ con chị. Nay chị nhận thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Quốc Đ1, sinh ngày 22/6/2020, hiện nay cháu đang sống với chị ổn định, sức khỏe tốt. Hiện nay chị làm thuê cho tư nhân thu nhập mỗi tháng trung bình 13.500.000 đồng. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ yêu cầu nuôi con chị không đồng ý vì anh Đ chạy Grap, không đảm bảo thời gian đưa đón con, thường xuyên đi nhậu, thường giao việc chăm con cho ông bà nội.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ trình bày: Anh thống nhất như trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do cả hai bất đồng quan điểm sống. Thời gian đầu anh không có nghề nghiệp ổn định nên hay ra ngoài uống cà phê với bạn bè, anh cũng thừa nhận do ham chơi nên có nợ nần nhưng sau đó anh cũng đã sửa đổi nhưng mâu thuẫn của hai vợ chồng không hòa giải được. Đỉnh điểm là từ tháng 02.2023 chị T đã dọn ra ngoài ở riêng, từ đó cho đến nay anh mong muốn hòa giải để chị T quay về chung sống với anh nhưng chị T đều không đồng ý, vì vậy anh thấy hôn nhân giữa anh và chị T khó mà hàn gắn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh thống nhất như chị T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Quốc Đ1, sinh ngày 22/6/2020, hiện nay cháu đang sống với chị T ổn định, sức khỏe tốt. Anh hiện đang làm tại Công ty TNHH MTV W một tháng là 6.000.000 đồng và còn hưởng hoa hồng trên doanh số. Ngoài ra, anh còn làm trưởng khu phố F, phường B, TP. Q. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Chị T yêu cầu nuôi con anh không đồng ý vì anh có nhà cửa ổn định để cháu Đ1 được học tiểu học tại trường học ở TP. Q, còn chị T đang ở trọ nên có thể chuyển chỗ ở khác liên tục và bất cứ lúc nào, anh không muốn con của anh không ổn định về chỗ ở vì việc thay đổi chỗ ở sẽ ảnh hưởng đến việc học của con anh. Anh yêu cầu nuôi con vì tương lai phát triển của cháu và về việc có chỗ học tập ổn định cho cháu Đ1.

Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Việt T và anh Nguyễn Xuân Đ; Giao cháu Nguyễn Hoàng Quốc Đ1 sinh ngày 22.6.2020 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng; chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Việt T và anh Nguyễn Xuân Đ là tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung; Anh Nguyễn Xuân Đ là bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ A, khu V, phường B, thành phố Q nên căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Việt T và anh Nguyễn Xuân Đ đăng ký kết hôn vào ngày 21.01.2020 tại Ủy ban nhân dân phường B, TP .Q, tỉnh Bình Định trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống và không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tháng 02/2023 chị T dẫn con ra ngoài ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa chị T, anh Đ thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Việt T và anh Nguyễn Xuân Đ.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Việt T và anh Nguyễn Xuân Đ thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Quốc Đ1, sinh ngày 22.6.2020, hiện nay cháu đang sống với chị T ổn định, sức khỏe bình thường. Chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng theo quy định; tuy nhiên anh Đ yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Tòa xét việc giao con cho ai nuôi là phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con trên cơ sở điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của chị T, anh Đ có đảm bảo cho sự phát triển bình thường của con hay không. Xét chị T có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định đủ điều kiện để nuôi cháu Đ1, mặt khác từ lúc chị T đưa con ra ngoài ở riêng cho đến nay cháu Đ1 đang ở với chị T ổn định, cháu Đ1 còn nhỏ nên việc thay đổi người nuôi con sẽ gây sự xáo trộn về mặt tâm lý cho cháu, vì vậy việc giao cháu Đ1 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị **T** tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Việt T** và anh **Nguyễn Xuân Đ.**

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Hoàng Quốc Đ1**, sinh ngày 22.06.2020 cho chị **Nguyễn Thị Việt T** được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Việt T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003639 ngày 21.4.2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn (Chị **T** đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP. Quy Nhơn
- Chi cục THA Tp. Quy Nhơn
- UBND P. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn
(Giấy CNKH số 009 ngày 21.01.2020)
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Diễm

